

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Thành

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Tuấn

Bà Lê Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Như Thanh - Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá: Bà Nguyễn Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Anh **Vũ Đức T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

\* Bị đơn: Chị **Hà Thị T1**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

\* Người làm chứng: **Ngân Thị N** (mẹ đẻ của chị **Hà Thị T1**); Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.**

\*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – Trợ giúp viên pháp lý **chi nhánh S** thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2024; Bản tự khai ngày 14/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Vũ Đức T** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh **Vũ Đức T** và chị **Hà Thị T1** tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và kết hôn vào năm 2016 tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không thể hòa hợp được. Lâu nay vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai.

Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **T** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết cho anh được ly hôn với chị **T1**.

- Về con chung: Anh **T** và chị **T1** có 01 con chung là cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 12/02/2017. Hiện tại cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ đang sinh sống cùng anh tại gia đình ông bà nội. Ly hôn anh **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu chị **T1** phải cấp dưỡng.

- Về tài sản và công nợ chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh **T** đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh **T** còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của cháu **Vũ Đức K**; bản sao có chứng thực căn cước công dân của chị anh **T**; xác nhận thông tin về cư trú; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án anh **T** còn nộp thêm Đơn trình bày nguyện vọng của cháu **Vũ Đức K**, xác nhận mức thu nhập của cá nhân, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn chị **Hà Thị T1** tại bản tự khai ngày 27/5/2024 trình bày:

- Về hôn nhân: chị **T1** và anh **T** tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và kết hôn vào năm 2016 tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đi làm ăn xa, ít có thời gian quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hai bên gia đình và vợ chồng đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ

chồng ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Tuy ở cùng nhà nhưng vợ chồng không sinh hoạt chung.

Nay anh **T** có làm đơn ly hôn chị **T1** vẫn có mong muốn hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Chị **T1** và anh **T** có 1 con chung là cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 12/02/2017. Hiện tại cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ và đang sinh sống tại gia đình ông bà nội. Ly hôn chị **T1** đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo biên bản xác minh ngày 04/6/2024, bà **Ngân Thị N** (mẹ đẻ của chị **Hà Thị T1**) cho biết:

- *Về hôn nhân*: chị **T1** và anh **T** tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và kết hôn vào năm 2016 tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đi làm ăn xa, ít có thời gian quan tâm đến nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, hai bên gia đình và vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tuy ở cùng nhà nhưng vợ chồng không sinh hoạt chung.

- *Về con chung*: Bà cho biết anh **T** và chị **T1** có 1 con chung là cháu **Vũ Đức K**, sinh năm 2017. Hiện tại cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ và đang sinh sống tại gia đình ông bà nội.

- *Về tài sản và công nợ*: không có ý kiến gì.

Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết.

\* *Ý kiến của con chưa thành niên*: Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 12/02/2017 thì cháu trình bày nguyện vọng của mình là được ở cùng với bố **Vũ Đức T**.

\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H** có ý kiến:

*Về hôn nhân*: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm đơn khởi kiện, bản tự khai thể hiện nguyện vọng của các bên, biên bản xác minh của tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân thực tế của vợ chồng anh **T**, chị **T1** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được để giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về con chung*: Chị **T1** và anh **T** có 01 con chung là cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 12/02/2017. Cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Lâu nay cháu ở với bố và ông bà nội. Ly hôn anh **T** và chị **T1** đều có nguyện vọng được

chăm sóc cháu **K** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào tình hình thực tế của cháu **K**, nguyện vọng của cháu và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

*Về tài sản và công nợ chung:* Chị **T1** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Đề nghị anh **T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

\* *Đại diện Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được thông báo và Tòa án đã niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81; 82; 83 luật HNGĐ; Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh **Vũ Đức T** với chị **Hà Thị T1**. Giao con chung của anh chị là cháu **Vũ Đức K**, sinh năm 2017 cho anh **T** nuôi dưỡng; anh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn; bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Thẩm quyền giải quyết:* Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; bị đơn có nơi cư trú tại **huyện N, tỉnh Thanh Hóa** nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTT Dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn anh **Vũ Đức T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **Hà Thị T1** vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh **Vũ Đức T** và chị **Hà Thị T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh**

**Thanh Hóa** ngày 10/10/2016 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại các Điều 8; 9 Luật HNGĐ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến ai, dẫn đến cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không quan tâm đến nhau nữa, đã ly thân nhau.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của anh **T** và cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh **T**, chị **T1** thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay anh **T** có đơn ly hôn căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của anh **T** với chị **T1**.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Vũ Đức K**, sinh 12/02/2017. Cháu hiện phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ và đang sống tại gia đình ông bà nội.

Ly hôn, anh **T**, chị **T1** đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Thấy rằng, việc giao cháu **Vũ Đức K** cho anh **Vũ Đức T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu **K**, phù hợp với điều kiện thực tế vì lâu nay cháu đã sinh sống tại gia đình ông bà nội, được anh **T** và gia đình ông bà nội chăm sóc tốt, cuộc sống học hành đang ổn định, anh **T** cũng đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện khả năng kinh tế đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **K**, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của anh **T**. Giao cháu **Vũ Đức K** cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T**.

[5] *Về tài sản và công nợ*: Anh **T**, chị **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: anh **Vũ Đức T** là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS;

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh **Vũ Đức T** với chị **Hà Thị T1**, cụ thể:

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh **Vũ Đức T** được ly hôn chị **Hà Thị T1**.

- *Về con chung:* Giao cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 12/02/2017 cho anh **Vũ Đức T** có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **T**.

Chị **Hà Thị T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Anh **Vũ Đức T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số 0005519, ngày 14/3/2024 anh **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Người bảo vệ quyền LIHP cho bị đơn;
- Chi cục THA DS NT (để thi hành);
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Tân, Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Quách Văn Thành***